

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ  
\*\*\*\*\***

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN  
PHÂN TÍCH DIỄN NGÔN**

**Số tín chỉ: 02  
Trình độ đào tạo: Đại học  
Ngành: Ngôn ngữ Anh**

**Năm 2020**

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo:** Đại học

**Ngành:** Ngôn ngữ Anh

- Tên học phần:** Phân tích diễn ngôn
- Mã học phần:** NNA 028
- Số tín chỉ:** 02( 2,0)
- Trình độ cho sinh viên:** Năm thứ tư
- Phân bố thời gian:**
  - Lên lớp: 30 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành
  - Tự học: 60 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Sinh viên đã hoàn thành các học phần bắt buộc
- Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Vũ Thị Lương	0989670521	luongnn78@gmail.com
3	ThS. Đặng Thị Thanh	0833308338	dangthanhhhd@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	trang.phamhuyen88@gmail.com

### 8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần Phân tích diễn ngôn gồm 5 chương trình bày khái quát cách thức mà con người tạo lập và rồi nhận diện nghĩa từ các văn bản và trong thực tiễn giao tiếp thông qua việc xem xét các khái niệm như *truyền thông* và *cảnh huống* (communication and context), *cấu trúc của thông tin trong văn bản* (structure of information in texts), nguyên tắc hợp tác (cooperative principles), *các thể loại diễn ngôn* (discourse genres), *sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói* (spoken language) với *ngôn ngữ viết* (written language), ...

Môn học giới thiệu:

- + Một số khái niệm cơ bản về Phân Tích Diễn Ngôn, bao gồm mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, đặc điểm tính chất của văn nói và văn viết.
- + Một số khái niệm cơ bản về Ngữ dụng học: lý thuyết hành vi ngôn ngữ, hàm ngôn hội thoại, phương châm hội thoại.
- + Ứng dụng của ngữ dụng học và phân tích diễn ngôn vào các lĩnh vực ngôn ngữ học ứng dụng khác như: giảng dạy ngoại ngữ, phiên dịch, luật, kỹ năng giao tiếp nơi công sở....

## 9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

### 9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
<b>MT1</b>	<b>Kiến thức</b>		
MT1.1	Trình bày được về mối quan hệ giữa các thành tố ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và ngữ cảnh, lý thuyết hành vi ngôn ngữ, hàm ngôn hội thoại, phương châm hội thoại.	3	[1.2.1.2c.]
MT1.2	Phân tích ngôn ngữ được sử dụng trong mọi tình huống giao tiếp (trang trọng và thân mật), đặc biệt là nghiên cứu mối quan hệ giữa câu với ngữ cảnh và tình huống.	3	[1.2.1.2c.]
<b>MT2</b>	<b>Kỹ năng</b>		
MT2.1	Vận dụng kiến thức và sử dụng ngôn ngữ hiệu quả trong mọi môi trường làm việc.	4	[1.2.2.1]
MT2.2	Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; khả năng tự học, nghiên cứu, giao tiếp và hợp tác	4	[1.2.2.3]
<b>MT3</b>	<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>		
MT3.1	Tuân thủ quy tắc ngôn ngữ và sử dụng đúng các kiến thức đã học trong việc luyện kỹ năng giao tiếp trong công việc tương lai.	4	[1.2.3.2]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	4	[1.2.3.1]

### 9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:



	discourse content								
4	'Staging' and the representation of discourse structure	X	X	X	X	X	X	X	X
5	Information structure	X	X	X	X	X	X	X	X
6	The nature of reference in text and in discourse	X	X	X	X	X	X	X	X
7	Coherence in the interpretation of discourse	X	X	X	X	X	X	X	X

## 11. Đánh giá học phần

### 11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CDR1	Bài tập thực hành, Bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần
CDR2	Bài tập thực hành, Bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CDR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, Bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

**11.2. Cách tính điểm học phần:** Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	- Chuyên cần: Sinh viên tham gia tối thiểu 80% số giờ quy định của học phần - Hoàn thành các bài tập được giao	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

### 11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm 2 phần về ngữ pháp, từ vựng và câu hỏi viết tự luận theo tình huống.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng TTKT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên làm bài thi tự luận trên giấy. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung thi kết thúc học phần gồm 2 phần chính: Câu hỏi về ngữ pháp, từ vựng và câu hỏi tự luận theo tình huống

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

## **12. Phương pháp dạy và học**

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, các hiện tượng ngữ pháp cơ bản..., hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng; sau đó tóm tắt nội dung của bài học. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kỹ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo định hướng năng lực thực hiện: phân tích các hiện tượng ngôn ngữ cơ bản trong giao tiếp bằng tiếng Anh.

Tại các phòng học thực hành ngoại ngữ, giảng viên tổ chức cho sinh viên quan sát các bài diễn thuyết, hội thoại, các tình huống, phân tích, đánh giá nội dung, trình bày, chữa lỗi sai thông qua phần mềm multimedia để sinh viên luyện viết tốt hơn. Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên theo cấp độ từ Nhớ- Biết-Vận dụng-Phân tích- Đánh giá-Sáng tạo, quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng viết bằng tiếng Anh trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc giao tiếp, tôn trọng nền văn hóa bản địa và nền văn hóa Anh. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

## **13. Yêu cầu học phần**

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh trình độ sơ cấp.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

#### 14. Tài liệu phục vụ học tập:

- *Tài liệu bắt buộc:*

[1] Gillian Brown, George Yule (1988), Discourse analysis, (Cambridge textbooks in linguistics).

- *Tài liệu tham khảo:*

[2] Brian Paltridge, Discourse analysis: An introduction

[3] Michael McCarthy, Discourse analysis for language teachers

#### 15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	<p><b>Chương 1: Introduction: linguistic forms and functions</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày được khái niệm về diễn ngôn, các thuật ngữ liên quan</li> <li>- Hiểu chức năng của phân tích diễn ngôn trong nghiên cứu và giao tiếp</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>1.1. The functions of language</p> <p><i>The transactional view</i></p> <p><i>The interactional view</i></p> <p>1.2. Spoken and written language</p> <p><i>Manner of production</i></p> <p><i>The representation of discourse: texts</i></p> <p><i>Written texts</i></p> <p><i>Spoken texts</i></p>	2		[1], [3]	<p>+ [1]: 1.1 → 1.3</p> <p>+ [3]: 1.1 → 1.3</p> <p>- <b>Bài tập:</b> từ trang 2 đến 4 của chương 1, tài liệu [1]</p>
2	<p><b>Chương 1: Introduction: linguistic forms and functions</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trình bày các khái niệm về ngữ dụng học và ngữ cảnh.</li> <li>- Phân biệt được câu và lời nói</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><i>The relationship between speech and writing</i></p> <p><i>Differences in form between written</i></p>	2		[1], [2], [3]	<p>+ [1]: 1.4 → 1.6</p> <p>+ [2]: Phần 1 (trang 3-8)</p> <p>+ [3]: 3.1; 3.2 (trang 35-58)</p> <p>- <b>Bài tập:</b> trang 5 của chương 1, tài liệu [1]</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p><i>and spoken language</i></p> <p>1.3. Sentence and utterance</p> <p><i>On 'data'</i></p> <p><i>Rules versus regularities</i></p> <p><i>Product versus process</i></p> <p><i>On 'context'</i></p>				
3	<p><b>Chương 2: The role of context in interpretation</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Trình bày được các thành phần cấu tạo nên sự kết dính giữa các câu trong đoạn</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>2.1. Pragmatics and discourse context</p> <p><i>Reference</i></p> <p><i>Presupposition</i></p> <p><i>Implicatures</i></p> <p><i>Inference</i></p>	2		[1], [3]	<p>+ [1]: 2.1</p> <p>+ [3]: 6.1 → 6.12</p> <p>- <b>Bài tập:</b> trang 9, 10 và 12 của chương 2, tài liệu [1]</p>
4	<p><b>Chương 2: The role of context in interpretation</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Phân tích được và hiểu cách sử dụng của các thành phần tạo nên sự kết dính câu, đoạn.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>2.2. The context of situation</p> <p><i>Features of context</i></p> <p><i>Co-text</i></p> <p>2.3. The expanding context</p> <p>2.4. The principles of 'local interpretation' and of 'analogy'</p>	2		[1], [3]	<p>+ [1]: 2.1</p> <p>+ [3]: 6.1 → 6.12</p> <p>- <b>Bài tập:</b> trang 14, 15 và 16 của chương 2, tài liệu [1]</p>
5	<p><b>Chương 3: Topic and the representation of discourse content</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Trình bày và phân tích sự rõ ràng, mạch lạc trong đoạn văn</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>3.1. Discourse fragments and the notion 'topic'</p> <p>3.2. Sentential topic</p> <p>3.3. Discourse topic</p> <p><i>Topic framework</i></p> <p><i>Presupposition pools</i></p> <p><i>Sentential topic and the presupposition pool</i></p>	2		[1], [3]	<p>+ [1]: 2.2</p> <p>+ [3]: 6.1 → 6.12</p> <p>- <b>Bài tập:</b> trang 17 của chương 2, tài liệu [1]</p>



TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	3.4. Relevance and speaking topically 3.5. Speaker's topic				
6	<p><b>Chương 3: Topic and the representation of discourse content</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Phân biệt được các khái niệm về cặp câu liền kề, các cấu trúc mở đầu và kết thúc, cách tiếp lượt hội thoại, các đáp lời, kiểm soát chủ đề nói... và phân tích được các nội dung đó trong hội thoại</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>3.6. Topic boundary markers <i>Paragraphs</i> <i>Paratones</i></p> <p>3.7. Discourse topic and the representation of discourse content</p> <p>3.8. Problems with the proposition-based representation of discourse content</p> <p>3.9. Memory for text-content: story-grammars</p> <p>3.10. Representing text-content as a network</p>	2		[1], [3]	+ [1]: 3.1 → 3.6 + [3]: 5.1 → 5.10 - <b>Bài tập:</b> trang 20, 23, 24 chương 3, tài liệu [1]
7	<p><b>Chương 4: 'Staging' and the representation of discourse structure</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Hiểu về các cấu trúc hội thoại cơ bản.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>4.1. The linearisation problem</p> <p>4.2. Theme</p> <p>4.3. Thematisation and 'staging' <i>'Staging'</i> <i>'Theme' as main character/topic entity</i> <i>Titles and thematisation</i></p>	2		[1], [3]	+ [1]: 3.7 + [3]: 5.1 → 5.10 - <b>Bài tập:</b> trang 25 chương 3, tài liệu [1]
8	<p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Hiểu về cách thức thực hiện bài thuyết trình nhóm</p> <p>- Kiểm tra giữa kỳ</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>Mid-term test</p>	2		[1], [3],	- Tra cứu nội dung: "Cultural differences in practicing the following [các đề mục từ 3.2 đến 3.6]" - <i>Thuyết trình:</i> nội

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
					dung tra cứu trên
9	<p><b>Chương 4: 'Staging' and the representation of discourse</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu về các khái niệm ngôn ngữ như cách phát ngôn, tốc độ và phân bố phát ngôn</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p><b>structure</b></p> <p><i>Thematic structure</i></p> <p><i>Natural order and point of view</i></p> <p><i>Theme, thematisation and 'staging'</i></p>	2		[1], [2], [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ [1]: 4.1</li> <li>+ [2]: Phần 6 (trang 47-50)</li> <li>+ [3]: 3.3</li> </ul> <p>- <i>Làm bài tập:</i> bài 1 tr.26 của Chương 4, tài liệu [1]</p>
10	<p><b>Chương 5: Information structure</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại được các hành động lời nói cơ bản trong giao tiếp</li> <li>- Phân tích mục đích sử dụng các loại hành động đó trong giao tiếp.</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>5.1. The structure of information</p> <p><i>Information structure and the notion 'given/new' in intonation</i></p> <p><i>Halliday's account of information structure: information units</i></p> <p><i>Halliday's account of information structure: tone groups and tonics</i></p> <p><i>Identifying the tone group</i></p> <p><i>The tone group and the clause</i></p> <p><i>Pause-defined units</i></p> <p><i>The function of pitch prominence</i></p>	2		[1], [2], [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ [1]: 4.2</li> <li>+ [2]: Phần 6 (trang 47-50)</li> <li>+ [3]: 3.3</li> </ul> <p>- <i>Làm bài tập:</i> bài 2 tr. 27 của Chương 4, tài liệu [1]</p>
11	<p><b>Chương 5: Information structure</b></p> <p><b>Mục tiêu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân biệt hành động lời nói trực tiếp và gián tiếp, các phát ngôn biểu đạt và câu thành</li> </ul> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>5.2. Information structure and syntactic form</p> <p><i>Given/new and syntactic form</i></p> <p><i>Information structure and sentence structure</i></p> <p>5.3. The psychological status of 'givenness'</p>	2		[1], [2], [3]	<ul style="list-style-type: none"> <li>+ [1]: 4.2 và 4.3</li> <li>+ [2]: Phần 6 (trang 50-58)</li> <li>+ [3]: 3.3</li> </ul> <p>- <b>Bài tập:</b> làm bài 1, 2, 3 tr. 28 &amp; 29 và bài 1, tr.8, tài liệu [1].</p>

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p><i>What does 'given' mean?</i>  <i>A taxonomy of information status</i>  <i>The information status taxonomy applied to data</i></p>				
12	<p><b>Chương 6: The nature of reference in text and in discourse</b>  <b>Mục tiêu:</b>  - Trình bày được các điều kiện phù hợp của diễn đạt, phát ngôn trong giao tiếp.  <b>Nội dung cụ thể:</b>  6.1. What is 'text'?  <i>'Cohesion'</i>  <i>Endophora</i>  <i>Substitution 201</i>  6.2. Discourse reference  <i>Reference and discourse representations</i>  <i>Referring expressions</i></p>	2		[1], [2], [3]	+ [1]: 4.4 & 4.5 + [2]: Phần 6 (trang 50-54) + [3]: 3.3 - <b>Bài tập:</b> bài tập tr.30, 31 & 32 của Chương 4, tài liệu [1]
13	<p><b>Chương 6: The nature of reference in text and in discourse</b>  <b>Mục tiêu:</b>  - Hiểu quy tắc diễn đạt trong hội thoại thông thường.  <b>Nội dung cụ thể:</b>  6.3. Pronouns in discourse  <i>Pronouns and antecedent nominals</i>  <i>Pronouns and antecedent predicates</i>  <i>Pronouns and 'new' predicates</i>  <i>Interpreting pronominal reference in discourse</i></p>	2		[1], [2], [3]	+ [1]: 5.1 + [2]: Phần 5 (trang 35-39) + [3]: 3.4 →3.13 - <b>Bài tập:</b> tr.34 của Chương 5, tài liệu [1].
14	<p><b>Chương 7: Coherence in the interpretation of discourse</b>  <b>Mục tiêu:</b>  - Trình bày được về các hàm ý trong hội thoại  <b>Nội dung cụ thể:</b>  7.1. Coherence in discourse  7.2. Computing communicative function  7.3. Speech acts  7.4. Using knowledge of the world  7.5. Top-down and bottom-up processing</p>	2		[1], [2], [3]	+ [1]: 5.2 + [2]: Phần 5 (trang 35-39) + [3]: 3.4 →3.13 - <b>Bài tập:</b> tr. 35 của Chương 5, tài liệu [1].
15	<p><b>Chương 7: Coherence in the interpretation of discourse</b></p>	2		[1], [2], [3]	+ [1]: 5.3 + [2]: Phần 5 (trang 40-

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	<p><b>Mục tiêu:</b></p> <p>- Hiểu cách diễn đạt tương tác, đáp ứng các nhu cầu về thể diện và phép lịch sự.</p> <p><b>Nội dung cụ thể:</b></p> <p>7.6. Representing background knowledge</p> <p><i>Frames</i></p> <p><i>Scripts</i></p> <p><i>Scenan'os</i></p> <p><i>Schemata</i></p> <p><i>Mental models</i></p> <p>7.7. Determining the inferences to be made</p> <p>7.8. Inferences as missing links</p> <p>7.9. Inferences as non-automatic connections</p> <p>7.10. Inferences as filling in gaps or discontinuities in interpretation</p>			[3]	46; trang 59-69) +[3]: 3.4 →3.13 - <b>Bài tập:</b> tr.36 & 37 của Chương 5, tài liệu [1].
16	<b>Ôn thi kết thúc học phần</b>	2		[1] [2], [3]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 1-7. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập.

Hải Dương, ngày 24 tháng 9 năm 2020

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG BỘ MÔN



TS. Nguyễn Thị Kim Nguyễn

Nguyễn Đăng Tiến

Trịnh Thị Chuyên